

MỘT VÀI VẤN ĐỀ KINH TẾ KỸ THUẬT TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂN NUÔI LỢN HÀNG HÓA

TRỊNH VĂN THỊNH

Đưa chăn nuôi, trong đó có chăn nuôi lợn, lên thành một ngành chính là một chuyển biến cách mạng, từ sản xuất nhỏ tự cấp tự túc lên sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa làm ra sản phẩm hàng hóa.

Lênin đã nói về nền nông nghiệp sản xuất lợn như sau: « Đặc điểm cơ bản của sự tiến hóa của ngành nông nghiệp từ sau ngày xóa bỏ chế độ nông nô là nông nghiệp ngày càng có *tính chất thương nghiệp*, có tính chất xí nghiệp... Tính chất đơn nhất của nền *kinh tế tự nhiên* khuôn theo nếp cũ đã nhường chỗ cho tính chất muôn màu muôn vẻ của những hình thức nông nghiệp thương nghiệp; những nông cụ cổ xưa đã bắt đầu nhường chỗ cho *máy móc* và nông cụ cải tiến; tính chất cố định của những chế độ canh tác cũ xưa kia đã bị những *phương thức canh tác mới* đập tan. Tất cả những thay đổi đó đều gắn liền với hiện tượng *chuyên môn hóa* trong nông nghiệp (Toàn tập, tập 3, trang 338, 394) » (những chỗ gạch dưới là do chúng tôi nhấn mạnh — TVT).

Theo tinh thần trên, quá trình chuyển biến từ nền nông nghiệp có tính chất tự nhiên lên nền nông nghiệp có tính chất thương nghiệp (sản xuất hàng hóa) bao gồm các việc:

1. Sử dụng nông cụ cải tiến, máy móc, và kỹ thuật mới nói chung, để thâm canh tăng năng suất;
2. Chuyên môn hóa theo vùng, theo loại sản xuất;
3. Thay những chế độ canh tác cũ bằng những phương thức canh tác mới.

(Trong chăn nuôi là thay cơ cấu chăn nuôi cũ bằng cơ cấu chăn nuôi mới).

Đưa ngành chăn nuôi từ sản xuất nhỏ, tự cấp tự túc (kinh tế tự nhiên) lên sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa làm ra sản phẩm hàng hóa (có tính chất thương nghiệp) cũng phải giải quyết các vấn đề:

1. Biến đổi cơ cấu chăn nuôi;
2. Chuyên môn hóa chăn nuôi;
3. Đẩy mạnh « thâm canh » tăng năng suất chăn nuôi.

VỀ CƠ CẤU CHĂN NUÔI

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 19 đã chỉ rõ phải « tiến hành từng bước sự biến đổi cách mạng trong cơ cấu trồng trọt và chăn nuôi » « tăng nhanh sản lượng và hiệu quả kinh tế trong trồng trọt và chăn nuôi ».

Cơ cấu chăn nuôi của ta — đặc biệt là cơ cấu chăn nuôi lợn, hiện nay có những đặc trưng khá rõ của một nền sản xuất nhỏ, tự cấp tự túc. Tỷ trọng giá trị của ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản lượng nông nghiệp chưa tới 15%; lao động nông nghiệp dành cho chăn nuôi chưa đến 5%. Năng suất lao động trong chăn nuôi thấp: một người chỉ nuôi được 20—30 lợn. Đàn lợn trong khu vực quốc doanh và tập thể mới chiếm khoảng 10% tổng số đàn lợn. Mục tiêu « 2 lợn trên một

héc-ta gieo trồng» mới đạt khoảng 60% về số đầu lợn, và trọng lượng lợn xuất chuồng còn quá thấp: bình quân khoảng 30 kg. Do đó, tính về mặt sản lượng hàng hóa, số thịt lợn (để dùng trong nước và để xuất khẩu) quá ít và mấy năm gần đây càng ít đi: năm thu mua cao nhất chỉ chiếm khoảng 1/3 tổng số thịt lợn sản xuất. Mức thịt ăn tính theo đầu người thấp; và tất nhiên số phân chuồng (trong đó phân lợn chiếm phần lớn) cung cấp cho ngành trồng trọt không nhiều.

Chúng tôi có thể so sánh dễ dàng những chỉ tiêu trên đây với những chỉ tiêu ở những nước mà ngành chăn nuôi đã thành một ngành chính. Về tỉ trọng giá trị của ngành chăn nuôi thường chiếm trên 50% tổng giá trị sản lượng nông nghiệp; năng suất lao động trong chăn nuôi đặc biệt cao do áp dụng cơ khí hóa và bước đầu tự động hóa; đàn lợn quốc doanh và tập thể thường chiếm 3/4 tổng số đàn lợn; trọng lượng lợn thịt xuất chuồng thường trên 100 kg; số thịt lợn hàng hóa thường chiếm 3/4 tổng số thịt lợn sản xuất, mà phần lớn thịt hàng hóa này để xuất khẩu; mức thịt ăn tính theo đầu người tất nhiên cao hơn nhiều. Đưa những chỉ tiêu chăn nuôi hiện còn thấp của ta lên đến bao nhiêu là thích hợp, đưa lên từng mức vào từng thời gian là bao nhiêu... là những vấn đề thuộc về phương hướng chủ trương, có quan hệ đến nhiều yếu tố kinh tế, xã hội, phải được nghiên cứu đầy đủ. Ở đây, xin nói về mấy vấn đề kinh tế kĩ thuật có quan hệ trực tiếp đến công tác khoa học và kĩ thuật:

1) Hiệu quả kinh tế của việc sản xuất thịt lợn hàng hóa;

2) Cơ cấu sinh vật học của đàn lợn sản xuất thịt lợn hàng hóa;

3) Mối quan hệ giữa cơ cấu trồng trọt và cơ cấu chăn nuôi trong việc sản xuất thịt lợn hàng hóa.

Hiệu quả kinh tế của việc sản xuất thịt lợn hàng hóa tính bằng năng suất chăn nuôi. Năng suất chăn nuôi lợn không chỉ tính theo trọng lượng của một đơn vị lợn xuất chuồng, mà còn phải tính theo số chi phí để sản xuất ra một kg thịt lợn (thịt lợn hơi) theo thời gian nuôi (biểu thị bằng chi phí về thức ăn, lao động, giống, khấu hao chuồng trại và các chi phí khác cho một đời lợn), theo chất lượng thịt (tỉ lệ các bộ phận cơ thể cho thịt loại tốt, tỉ lệ giữa thịt nạc và mỡ). Trong chi phí chăn nuôi, chi phí về thức ăn thường chiếm 60—70%, do đó hiệu suất kinh tế của chăn nuôi chủ yếu là hiệu suất chuyển hóa thức ăn thành thịt theo một hệ số chi phí thức ăn

thấp nhất trong một thời gian ngắn nhất. Năng suất nuôi lợn ở ta thấp (một đặc trưng nữa của nền sản xuất nhỏ) có thể nói lên bằng một số chỉ tiêu. Muốn sản xuất một kg thịt lợn hơi, với giống lợn I của ta, trong điều kiện chăn nuôi tương đối tốt, phải mất khoảng 4 kg thức ăn tinh và khoảng 15 kg rau (thức ăn thô), trong khi hệ số (trung bình về chi phí thức ăn) ở một số nước ngoài là khoảng 3 kg thức ăn tinh cho 1 kg thịt hơi (thức ăn tinh và thức ăn thô đều tính thành đơn vị thức ăn với lượng đậm tiêu hóa phải có trong một đơn vị). Nuôi lợn ở ta 10 tháng tuổi mới đạt 40 kg thì mỗi tháng lợn chỉ tăng trọng bình quân 4 kg; chỉ tiêu tiên tiến ở nước ngoài là nuôi lợn đến 6 tháng tuổi đạt 90 kg, như vậy mỗi tháng tăng trọng bình quân 15 kg. Giống lợn của ta có đặc điểm là ăn được tương đối nhiều thức ăn thô, cho nhiều mỡ, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế tự cấp tự túc trước đây, thì ngày nay phải được cải tạo theo yêu cầu nuôi được lợn to, cho nhiều thịt nạc với thời gian nuôi ngắn hơn, nhất là khi nuôi lợn để xuất khẩu. Đó là mặt thứ nhất của việc biến đổi cơ cấu chăn nuôi lợn: đưa những giống lợn có năng suất cao, chất lượng thịt tốt vào cơ cấu đàn lợn.

Phân tích cơ cấu sinh vật học của đàn lợn hiện nay cũng thấy tính chất của một nền sản xuất nhỏ, làm ra ít sản phẩm hàng hóa. Số lợn nái chiếm đến 15% tổng số đàn lợn, mà đáng lẽ chỉ cần 10% hoặc 7—8% càng hợp lí hơn (đàn lợn nái ở Đan-mạch chiếm 7,3% tổng số đàn lợn). Nhưng, mặc dù số lợn nái nhiều quá mức cần thiết, số lợn thịt xuất chuồng hằng năm ở ta chưa bằng 70% số lợn có mặt tại chuồng. Đó là một năng suất nuôi lợn nái rất thấp. Ở đây cần nói rõ là, muốn làm ra nhiều thịt hàng hóa, thì phải tăng nhanh mức tái sản xuất của đàn lợn nái. Ví dụ: nếu lợn nái đẻ một năm hai lứa, nuôi được cả năm 14 lợn con thành lợn giống, và lợn giống sau khi vỗ béo đạt trọng lượng xuất chuồng 90 kg, thì một lợn nái có khả năng sản xuất được $90 \text{ kg} \times 14 = 1260 \text{ kg}$ thịt/năm. Lợn nái ở ta thường đẻ một năm 1,5 lứa và cả năm nuôi được khoảng 10 lợn con, lợn thịt xuất chuồng bình quân 35 kg, thì một lợn nái chỉ sản xuất được $35 \text{ kg} \times 10 = 350 \text{ kg}$ thịt/năm. Trái lại, nếu nuôi những giống lợn sinh trưởng nhanh, từ khi cai sữa đến khi xuất chuồng chỉ phải nuôi 4 tháng (trường hợp lợn Landrace thì một năm «quay vòng» được 3 lứa lợn, số lợn thịt xuất chuồng hằng năm bằng khoảng 3 lần số lợn có mặt tại chuồng. Lợn thịt ở ta nuôi 10—12

tháng mới xuất chuồng thì số lợn xuất chuồng trong năm chỉ bằng số lợn có mặt trong chuồng. Nếu ta tăng sức sinh sản của lợn nái (ví dụ một năm đẻ hai lứa), giảm thời gian nuôi lợn thịt (ví dụ chỉ nuôi 6 tháng, một năm « quay vòng » hai lần) thì sẽ phải nuôi ít lợn nái hơn mà số lợn thịt xuất chuồng trong năm lại có thể gấp đôi số lợn có mặt tại chuồng, sản lượng thịt hàng hóa sẽ tăng nhanh. Đó là mặt thứ hai của việc biến đổi cơ cấu đàn lợn; giữ một tỉ lệ hợp lí giữa lợn nái, lợn giống và lợn thịt; tăng sức sinh sản của lợn nái; tăng lứa nuôi trong một năm của lợn thịt.

Cơ cấu chăn nuôi phải được xem xét trong mối quan hệ với cơ cấu trồng trọt. Lịch sử nông nghiệp thế giới đã cho thấy trong cơ cấu của sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi ngày càng chiếm tỉ trọng lớn; thậm chí có quan niệm cho rằng: một nước có tỉ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp càng cao thì nông nghiệp nước đó càng tiến bộ. Lịch sử nông nghiệp thế giới cũng chứng minh thay đổi cơ cấu trồng trọt thường dẫn đến thay đổi cơ cấu chăn nuôi, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi. Điển hình nhất là « cuộc cách mạng về cơ cấu cây trồng » (còn gọi là « cuộc cách mạng về chế độ canh tác », cuộc « cách mạng về thức ăn gia súc ») ở các nước Tây Âu vào cuối thế kỉ thứ XVIII: thay chế độ canh tác cũ 3 năm có bỏ hóa (hai năm trồng lúa mì, một năm bỏ hóa) bằng chế độ canh tác mới luân canh 4 ruộng (cây Mèđi, lúa mì, cây có củ, yến mạch) đã làm cho năng suất lúa mì từ 6 — 7 tạ lên 14 — 18 tạ/ha. Nhờ đó mà ngành chăn nuôi đang giảm sút được đẩy mạnh phát triển do có thêm nguồn thức ăn giàu chất dinh dưỡng. Đồng thời có tác dụng cải tạo đất, mở rộng diện tích gieo trồng. Từ đầu thế kỉ này, nhiều nước đã quyết định thay đổi cơ cấu cây trồng, đưa cây thức ăn gia súc, đồng cỏ nhân tạo vào chế độ luân canh, để đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất lớn làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa mà phần quan trọng dành cho xuất khẩu: có nước dùng khoai tây, củ cải (một số nước Bắc — Âu), có nước dùng cây ngô (Mĩ), có nước dùng cỏ lâu năm (Anh, Hà-lan, chế độ luân canh đồng cỏ ở Tiệp-khắc, chế độ Uylam ở Liên-xô) v.v... Lênin đã nói như sau về tình hình ở Mĩ: « Trong những bang « thâm canh hóa », cỏ khô và thức ăn gia súc chiếm một phần rất quan trọng trong tổng giá trị thu hoạch hơn là những ngũ cốc (Toàn tập, tập 22, trang 44). Và về tình hình ở Nga: « Khắp nơi trong tỉnh Maxkva người ta thu hẹp diện tích cây bừa để dùng làm đồng cỏ và chỗ

chăn nuôi, phương pháp luân canh nhiều ruộng có cây thức ăn gia súc thay thế cho phương pháp luân canh ba ruộng và cây có hạt (Toàn tập, tập 3, trang 329) ». Người ta tính rằng, dùng các sản phẩm của trồng trọt, các phụ phẩm, phế liệu để chăn nuôi, là một cách kinh doanh có lợi nhất (chuyển hóa những sản phẩm ít giá trị thành những sản phẩm có giá trị cao hơn), là một cách bồi dưỡng đất có hiệu quả nhanh nhất (gia súc cung cấp thêm nhiều phân bón; cây, cỏ làm thức ăn gia súc lại thường là những loại thực vật tích lũy cho đất nhiều chất hữu cơ, chất đạm và các chất dinh dưỡng khác). Thực tế ở những nước mà chăn nuôi đã thành một ngành chính, người nông dân trồng trọt quanh năm, nhưng lại bán hoa lợi của mình dưới dạng sản phẩm chăn nuôi (thịt, sữa, trứng). Ở ta, « ba mục tiêu: 1 lao động, 5 tấn thóc, 2 lợn » nói lên một cơ cấu cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa lúa và lợn; thực tế những nơi đã vượt mục tiêu 5 tấn thóc cũng đã vượt mục tiêu hai lợn. Điển hình là việc đưa lúa xuân vào cơ cấu cây trồng ở một số vùng đã có tác dụng tăng vụ, rải vụ, tăng năng suất lao động và tăng sản lượng lương thực, thúc đẩy đạt, và vượt mục tiêu 5 tấn, lại có tác dụng đẩy mạnh chăn nuôi, trước hết là chăn nuôi lợn. Như vậy, mặt thứ ba của việc biến đổi cơ cấu chăn nuôi là: đưa cây thức ăn gia súc vào cơ cấu cây trồng, tạo điều kiện thay đổi cơ cấu chăn nuôi và phát triển chăn nuôi.

VỀ CHUYÊN MÔN HÓA CHĂN NUÔI

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 19 đã vạch rõ: « Từng bước chuyên môn hóa sản xuất ở đồng bằng trên cơ sở xác định phương hướng sản xuất của từng tỉnh, huyện đến hợp tác xã, hình thành những vùng trọng điểm có năng suất và sản lượng hàng hóa cao. Đồng thời mở những vùng kinh tế mới ở trung du và miền núi để phát triển trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ».

Trong tình hình trước mắt, việc xác định những vùng trọng điểm nuôi lợn chuyên môn hóa phải căn cứ vào những yêu cầu và khả năng phát triển chăn nuôi lợn tập trung ở từng vùng, nhằm làm cho ngành chăn nuôi lợn góp phần « đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển toàn diện, đi đôi với thâm canh, chuyên canh trên cơ sở phân vùng, đi dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa »

(Nghị quyết 19). Ví dụ trong cuộc phấn đấu giành 3 mục tiêu, vùng trọng điểm lúa (đạt 5—7 tấn/ha/năm) cũng phải là vùng trọng điểm nuôi lợn (đạt 2—4 lợn/ha gieo trồng), do yêu cầu có nhiều phân hữu cơ để thâm canh lúa, cũng như do khả năng tăng nguồn thức ăn nuôi lợn (một phần lương thực, các sản phẩm phụ của lương thực). Vùng trồng cây công nghiệp tập trung cũng có yêu cầu cấp thiết phải đẩy mạnh chăn nuôi lợn. Đặc biệt những vùng gọi là «vùng thực phẩm» phục vụ cho các khu vực dân cư tập trung (thành phố, thị trấn, khu công nghiệp), cho nhu cầu xuất khẩu, phải được đầu tư thích đáng để xây dựng thành vùng trọng điểm nuôi lợn, với kĩ thuật chăn nuôi tiên tiến, với một phần thức ăn chế biến theo lối công nghiệp, với những phụ phẩm của thành phố và của những vùng trồng rau, đậu tập trung, để sản xuất một khối lượng thịt lợn hàng hóa quan trọng. Quá trình hình thành những vùng trồng màu tập trung (ngô, khoai lang, khoai tây, sắn) nhất là ở trung du và miền núi, với cơ khí hóa và kĩ thuật thâm canh, với công nghiệp chế biến màu thành bột và với các sản phẩm khác (mật, đường, rượu) cũng là quá trình hình thành những vùng nuôi lợn tập trung, để tận dụng những phụ phẩm của công nghiệp chế biến hoa màu và cung cấp phân bón cho hoa màu.

Chuyên môn hóa chăn nuôi lợn còn phải được nghiên cứu trong việc tổ chức nội bộ ngành chăn nuôi lợn: chuyên môn hóa nuôi lợn nái, lợn giống, lợn thịt. Do phải từ cơ sở chăn nuôi lợn phân tán hiện nay mà đi lên chăn nuôi lợn, nên việc chuyên môn hóa chăn nuôi trong bước đi ban đầu có thể chỉ nên thực hiện một cách tương đối, trừ những xí nghiệp sản xuất thịt lợn theo qui trình công nghiệp, những xí nghiệp chế biến thức ăn theo phương pháp công nghiệp mà chúng ta đang xây dựng, trong các cơ sở chăn nuôi lợn quốc doanh và tập thể, có thể chuyên môn hóa thành những nhóm (tổ, đội): chuyên nuôi lợn nái và sản xuất lợn giống; chuyên nuôi lợn thịt; chuyên sản xuất và chế biến thức ăn; chuyên quản lí và chăm sóc (cho ăn, làm vệ sinh chuồng trại,...), phù hợp với tính chất công việc và yêu cầu về khoa học kĩ thuật, về nghiệp vụ quản lí đối với từng loại công việc và có những loại công việc đòi hỏi chuyên môn hóa cao, thì phải phụ trách hay hỗ trợ với tổ chức mạng lưới chặt chẽ, có cán bộ kĩ thuật đủ khả năng chịu trách nhiệm, ví dụ: hệ thống chọn lọc, sản xuất và quản lí giống lợn (trạm, trại, nông trường sản xuất giống); hệ thống làm công tác thú y (mạng lưới trạm thú y). Tất nhiên, việc chuyên môn hóa còn

phải xét về hướng sản xuất của từng cơ sở, với những giống lợn (cũng đã được «chuyên môn hóa» nuôi theo những kĩ thuật (thức ăn, chuồng trại, phòng bệnh) thích hợp: ví dụ nuôi lợn đực, lợn nái, giống ngoại hay giống nội, nuôi lợn thịt lai kinh tế theo công thức nhất định, nuôi lợn thuộc giống thịt — mỡ hay mỡ — thịt v.v...

Chuyên môn hóa chăn nuôi bao giờ cũng đòi hỏi một mức độ *chăn nuôi tập trung* nhất định. Nhưng không thể căn cứ vào qui mô đàn lợn mà kết luận về mức độ chuyên môn hóa (ví dụ: một cơ sở nuôi một vạn lợn thì tính chất chuyên môn hóa chưa thể kết luận là cao hơn so với một cơ sở nuôi một nghìn lợn), mà còn phải xem xét cả những chỉ tiêu về tổ chức và sử dụng lao động, về năng suất lao động, về mức đầu tư, về hiệu suất của máy móc vật tư kĩ thuật. Khi phân tích tính chất tập trung của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, Lê - nin đã viết: «Con đường phát triển chủ yếu của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa là ở chỗ *áp, trại nhỏ, tuy vẫn là nhỏ* nếu tính theo diện tích, nhưng lại *hóa thành áp, trại lớn*, nếu xét theo khối lượng sản xuất, xét theo sự phát triển của chăn nuôi, xét theo số lượng phân bón được sử dụng, xét theo sự phát triển của việc sử dụng máy móc, v.v... (toàn tập, tập 22 trang 82)». Do đó, khi xác định qui mô chăn nuôi tập trung (một trại nuôi bao nhiêu lợn loại nào là vừa), phải tính đến sự tương quan giữa qui mô xí nghiệp với trình độ «thâm canh», trình độ chuyên môn hóa, trình độ quản lí, trình độ cơ sở vật chất kĩ thuật, đến mối quan hệ giữa sản xuất với thị trường trong nước và xuất khẩu.

Trong tình hình hiện nay của ta, việc xác định cơ cấu chăn nuôi và trình độ chuyên môn hóa chăn nuôi trước hết phải nhằm mục đích thúc đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng, làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa, xuất phát từ cơ cấu chăn nuôi hiện nay bao gồm: chăn nuôi quốc doanh, tập thể và gia đình (nhất là trong ngành nuôi lợn). Ở những nước đã có nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa (ví dụ: Liên-xô), kinh tế phụ gia đình vẫn chiếm một vị trí quan trọng. Trong chăn nuôi lợn ở ta, phải «phát triển mạnh chăn nuôi lợn tập thể và quốc doanh, đồng thời tích cực phát triển đàn lợn gia đình... củng cố phương thức chăn nuôi hiện có, đồng thời mạnh dạn áp dụng phương thức chăn nuôi mới, tập trung theo lối công nghiệp (Nghị quyết 19)». Chăn nuôi lợn gia đình phát triển mạnh mẽ và đúng hướng sẽ

góp phần cung cấp thêm nhiều sản phẩm cho xã hội, cung cấp thêm nhiều hàng hóa (kể cả cho xuất khẩu), thực hiện thể cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi trong nội bộ từng hợp tác xã (chăn nuôi lợn gia đình cung cấp phân bón cho ngành trồng trọt tập thể và cũng sử dụng một phần thức ăn do ngành trồng trọt tập thể sản xuất). Nếu mỗi gia đình nuôi lợn làm ra vượt mức sản phẩm để tự cung cấp cho mình; khối lượng thịt sản xuất thêm là hàng hóa có thể mua được hết với tổ chức và chính sách thích đáng, thì chăn nuôi gia đình sẽ vượt ra ngoài phạm vi tự cấp tự túc, đóng góp vào việc đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính.

VỀ TĂNG NĂNG SUẤT CHĂN NUÔI, vận dụng các nguyên lý thâm canh của nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa vào chăn nuôi.

Trên cơ sở một sự phân công lao động nông nghiệp và phân vùng sản xuất nông nghiệp hợp lý, với một cơ cấu chăn nuôi hợp lý, việc tăng năng suất chăn nuôi quyết định một phần lớn do áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành chăn nuôi. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 19 đã chỉ rõ: « Phải có biện pháp tốt, giải quyết hàng loạt vấn đề trên nhiều mặt như: giống, thức ăn, chuồng trại, lao động, v.v... Phải đặt nhiệm vụ chống toi dịch, tăng cường lãnh đạo và phát triển công tác thú 1 là vấn đề rất quan trọng để đẩy mạnh chăn nuôi ».

Đánh giá trình độ thâm canh nông nghiệp người ta thường dùng hai loại chỉ tiêu: một là chi phí về tư liệu sản xuất và lao động trên một đơn vị sản phẩm; hai là số sản phẩm tạo ra trên một đơn vị diện tích hay một đơn vị đầu gia súc. Trong chăn nuôi lợn, phải đầu tư về thức ăn, chuồng trại, công cụ và máy móc, tiền vốn, chi phí về chăm sóc và quản lý, phải đầu tư lao động thích đáng với năng suất lao động cao vào đàn lợn thuộc các giống tốt, để làm ra được nhiều sản phẩm nhất với giá thành hạ nhất và thời gian nuôi ngắn nhất. Muốn vậy, phải áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi, đồng thời không ngừng nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học và kỹ thuật.

Trong cơ cấu các giống lợn ở ta, phải mạnh dạn đưa vào nhanh những giống lợn có năng suất cao. Tất nhiên phải giải quyết tốt các vấn đề thức ăn, chuồng trại, chăm sóc, phòng

trừ dịch bệnh. Những giống lợn tốt của ta (Móng-cái, L, Mường-khương...) phải được chọn lọc để phát huy mạnh những ưu điểm của chúng và khắc phục những nhược điểm tồn tại do cách chăn nuôi tự nhiên từ lâu đời. Lại những giống lợn ngoại với những giống lợn nội tốt theo những công thức thích hợp (hoặc lại những giống lợn nội tốt với nhau) sẽ tạo được những lợn lai cho năng suất cao hơn, phẩm chất thịt tốt hơn mà vẫn giữ được những đức tính của lợn địa phương: chóng thành thực, sinh sản nhanh, quen với khí hậu nóng, ẩm và thức ăn thô, chống đối được với bệnh tật. Tất nhiên phải tạo những điều kiện chăn nuôi tốt hơn (thức ăn, vệ sinh) cho những giống lợn lai thì mới bảo đảm hiệu quả kinh tế của việc lai giống, bảo đảm việc đưa lợn lai kinh tế vào cơ cấu đàn lợn thịt của ta với tỉ lệ ngày càng cao hơn. Cùng với công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật về: chọn lọc giống trong nước, thích nghi giống ngoại nước, lai tạo giống mới... phải tăng cường hệ thống sản xuất và quản lý giống, để cung cấp được đủ lợn giống và giống tốt cho sản xuất; giống tốt là cơ sở để thực hiện các qui trình kỹ thuật chăn nuôi tiến bộ trong ngành nuôi lợn chuyên môn hóa làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa với chất lượng tốt và giá thành hạ.

Thức ăn cho lợn phải được giải quyết dựa trên những kiến thức khoa học về sinh lý, dinh dưỡng của lợn nước ta, và theo hướng tận dụng các khả năng về tài nguyên của ta. Ngay thức ăn phối hợp sản xuất theo phương pháp công nghiệp đã có mẫu mực ở các nước, cũng phải được nghiên cứu để chế tạo với những nguyên liệu của ta, đạt giá thành hạ và đáp ứng vào yêu cầu dinh dưỡng của các giống lợn ở ta (kể cả lợn lai kinh tế). Cơ cấu thức ăn cho lợn phải bao gồm những loại cây có khả năng sản xuất thuận lợi ở ta, có năng suất, giá trị dinh dưỡng cao, giá thành hạ (tính theo đơn vị thức ăn), phục vụ cho việc nuôi lợn quanh năm; những loại cây này phải được chính thức dựa vào cơ cấu cây trồng; hệ thống luân canh ở từng vùng, tạo cơ sở thức ăn vững chắc cho đàn lợn; và cũng cần nghĩ đến việc nhập nội những cây thức ăn mới cung cấp những thành phần dinh dưỡng mà những cây nhiệt đới ở nước ta thường nghèo. Ngoài việc dùng một phần lương thực chính để nuôi lợn (thóc và phụ phẩm của nó là cám), phải tận dụng những loại lương thực phụ thích hợp, với khả năng sản xuất ở từng vùng (ngô và khoai lang, và các loại khoai khác, sản xuất các loại củ khác); phải tận dụng các loại

lá, củ, quả có năng suất cao và có khả năng bổ sung một số thành phần dinh dưỡng (vitamin, chất khoáng, chất đạm, chất mỡ) cho khẩu phần được cân đối hơn (các loại đậu, đỗ và các cây bộ Đậu khác, nhất là quả bí đỏ và quả đu đủ ở tất cả các vùng); phải tận dụng những loại khô dầu, bã mầm, bột cá, bột xương... mà khối lượng sẽ ngày càng lớn cùng với sự phát triển các ngành công nghiệp thực phẩm. Đặc điểm sinh lí của các giống lợn nước ta là có khả năng sử dụng được nhiều thức ăn thô, tương ứng với khả năng khí hậu, đất đai nước ta cho phép sản xuất quanh năm nhiều loại thức ăn này, đạt năng suất cao và khối lượng chất dinh dưỡng (tính thành vật chất khô) cao hơn nhiều các loại cây khác (cây lấy hạt, lấy củ). Công nghiệp phải thúc đẩy mạnh mẽ vào khâu chế biến thức ăn để cho phép súc vật dùng được nhiều nhất các loại thức ăn tươi xanh (rút nước để giảm khối lượng thì lợn mới tiêu thụ được nhiều), cũng như cho phép chuyển thành thức ăn tốt những phụ phẩm, phế liệu thô cứng (chế thành thức ăn bột khô hay bột nhão, ủ men vi sinh vật vào thức ăn). Công nghiệp cũng phải tác động vào các khâu: nghiền, trộn thức ăn; chế tạo thức ăn men; chế tạo thức ăn bổ sung (đạm, khoáng, vitamin, kích tố, kháng sinh...) theo những qui trình sinh vật học và hóa học.

Phòng trừ dịch bệnh là một khâu kĩ thuật rất quan trọng hiện nay, phải được cải tiến cho phù hợp với cơ cấu, qui mô và phương thức chăn nuôi mới. Những bệnh truyền nhiễm và bệnh kí sinh trùng tác hại nhất đối với lợn nước ta phải được nhanh chóng khống chế và tiêu diệt. Những bệnh có khả năng phát sinh do việc trao đổi giống lợn với nước ngoài cần được dự kiến và đề phòng. Các giống càng được cải tạo thì càng đòi hỏi trình độ kĩ thuật chăn nuôi và phòng bệnh cao hơn. Chăn nuôi tập trung qui mô vừa và lớn, sử dụng các loại thức ăn mới (thức ăn chế biến theo công nghiệp) cũng có thể làm phát sinh những bệnh mới hoặc làm tăng mức độ lây lan của những bệnh đã có. Các phương pháp phòng trị bệnh phải được cải tiến cho

phù hợp với tình hình chăn nuôi mới: việc phòng bệnh càng phải được coi trọng; việc phát hiện bệnh phải làm được nhanh chóng trên những đàn lớn; các thứ thuốc và phương pháp dùng thuốc phải được cải tiến theo hướng sử dụng hàng loạt (đỡ tốn thì giờ, nhân lực).

Đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính với những cơ sở chăn nuôi tập trung, càng đòi hỏi phải có những cơ sở vật chất, kĩ thuật mới: chuồng trại, công cụ, máy móc v.v... công tác quản lí kĩ thuật và nghiên cứu khoa học phải giải quyết các vấn đề về: thiết kế mẫu, thi công, quản lí sử dụng v.v...

Đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính là một tất yếu khách quan do yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế trong tình hình mới. Quá trình phát triển của ngành chăn nuôi ở các nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn đã nêu cho chúng ta một số kinh nghiệm, đã bước đầu phát hiện một số vấn đề có tính chất phổ biến. Cần nắm vững những vấn đề này một cách toàn diện và vận dụng một cách sáng tạo; tránh những nhận xét phiến diện như đã lác đác nảy sinh: chỉ tuyên truyền cho việc đưa chăn nuôi lên qui mô tập trung lớn; chỉ nói đến tỉ trọng của ngành chăn nuôi trong nông nghiệp, coi đó là tiêu chuẩn duy nhất phân biệt chăn nuôi — ngành phụ về chăn nuôi — ngành chính; bàn việc phát triển chăn nuôi tách rời với trồng trọt; giới thiệu giống mới, thức ăn công nghiệp, chuồng trại qui mô... một cách không thiết thực, dập theo những tài liệu nước ngoài, v.v... Phải phân tích tình hình cụ thể ở ta, xuất phát từ những đặc điểm và kinh nghiệm của ta, kết hợp với vận dụng kinh nghiệm của thế giới, phải xác định nội dung và bước đi thích hợp, mới có thể đưa ngành chăn nuôi của ta nhanh chóng tiến lên thành một ngành sản xuất chính một cách mạnh mẽ và vững chắc, chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đảng và thực hiện tốt kế hoạch của Nhà nước.